TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ PHONG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23/09/2022
V/v: "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ PHONG - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lô Văn Tuất.

Bà Vi Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lương Huyền Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà***: Ông Quang Văn Dù - Kiểm sát viên.

Ngày 23/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quang Thị L, sinh năm: 1963. Có mặt.
Nơi cư trú: Bản C, xã H, huyện Q, Nghệ An.

2. Bị đơn: Ông Lữ Văn T, sinh năm 1963. Có mặt.
Nơi cư trú: Bản C, xã H, huyện Q, Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/7/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Quang Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Quang Thị L và ông Lữ Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu Tẫn do chồng thường xuyên uống rượu về nhà không chịu làm ăn, thường đánh đập quậy phá trong nhà, vợ con không được sống yên ổn. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần, nhưng ông T vẫn không thay đổi. Nhưng vì thương con nên bà T đã phải chịu đựng hơn hai mươi năm nay. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống càng ngày càng khó khăn nên Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông T có 04 người con chung: Lữ Văn H, sinh năm: 1984; Lữ Văn D, sinh năm: 1986; Lữ Văn D, sinh năm: 1990; Lữ Văn D, sinh năm: 1992. Các con đã đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Gia đình Bà Quang Thị L Tộc Hộ nghèo và có đơn xin được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản Hoà giải và tại phiên toà,bị đơn ông Lữ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân*:* Tôi và bà Quang Thị L chung sống với nhau và cưới theo phong tục tập quán từ ngày 12/3/1983 (Âm lịch), tại xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu Tẫn do bà L thường chê ông T lười nhác, ông T buồn thường hay uống rượu rồi chửi lại bà L. Ông T Bà L đã không còn sống chung với nhau từ lâu, nhưng ông T vẫn không nhất trí ly hôn vì đã già rồi, có con có cháu lớn rồi, việc ly hôn là không cần thiết.

Về con chung: Ông T nhất trí với trình bày của bà L, hai vợ chồng có 4 người con chung là Lữ Văn H, sinh năm: 1984; Lữ Văn D, sinh năm: 1986; Lữ Văn D, sinh năm: 1990; Lữ Văn D, sinh năm: 1992. Các con đã đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Áp dụng điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của BLTTDS;

+ Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; khoản 1 Điều 85, Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn bà Quang Thị L. Cho bà L được ly hôn với ông Lữ Văn T.

Về con chung: Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Miễn tiền án phí cho bà Quang Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Quế Phong được thụ lý phù hợp về thẩm quyền qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Quang Thị L và ông Lữ Văn T trình bày chung sống với nhau và không có đăng ký kết hôn từ năm 1983 có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của chính quyền địa phương. Quá trình chung sống, ông bà chung sống hạnh phúc sau đó bắt đầu xảy ra nhiều mâu Thẫn do ông T thường xuyên uống rượu về nhà không chịu làm ăn, thường đánh đập , đuổi vợ con ra khỏi nhà nhiều lần theo lời khai của bà T. Nhưng vì thương con nên bà T đã phải chịu đựng hơn hai mươi năm nay, đến nay không còn tình cảm nữa nên yêu cầu giải quyết ly hôn. Ông T cũng khai vợ chồng có mâu Tẫn do bà L thường chê ông không chịu làm ăn, chăm lo cho gia đình nên ông buồn chán rồi uống rượu về nhà chửi, đánh đuổi bà L. Ông T không nhất trí ly hôn vì hai vợ chồng đã lớn tuổi, các con đã trưởng thành

Xét thấy bà L và ông T đều thừa nhận chung sống với nhau từ năm 1983 và có con chung Lữ Văn H: sinh ngày 11/12/1984 do đó có đủ căn cứ để xác định hôn nhân của ông bà được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên được xem là hôn nhân thực tế theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000 ngày 09/6/2000 vì vậy căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được áp dụng quy định Chi tiết Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án

Trong thời gian dài chung sống ông T thừa nhận thường xuyên uống rượu, không làm ăn chăm lo cho gia đình, thường đánh đuổi bà L và các con, làm cho hôn nhân ngày càng trầm trọng, nhưng ông T không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ. Tuy nhiên cũng không có biện pháp khắc phục sửa chữa lỗi lầm của mình và bà L cũng không đồng ý đoàn tụ. Bà L và ông T không còn chung sống với nhau nữa, bà L cũng đã xác định không còn tình cảm với ông T. Mặc dù đã được gia đình hai bên, làng xóm hoà giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ, chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà Quang Thị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 85, Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Về con chung: Bà L và ông T đều xác định ông, bà có 4 người con chung Lữ Văn H, sinh ngày 11/02/1984; Lữ Văn D, sinh ngày 08/5/1986; Lữ Văn D, sinh năm: 1990; Lữ Văn D, sinh năm: 1992. Hiện nay các con của bà L và ông T đều đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Quang Thị L và ông Lữ Văn T đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Bà Quang Thị L có đủ điều kiện được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong tại phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 1 Điều 85; khoản 1 Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử**:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Quang Thị L. cho bà Quang Thị L được ly hôn với ông Lữ Văn T.

[2] Về con chung: Ông T và bà L, có 4 người con chung là Lữ Văn Hùng, sinh năm: 1984; Lữ Văn D, sinh năm: 1986; Lữ Văn D, sinh năm: 1990; Lữ Văn D, sinh năm: 1992. Các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét.

[3] Về án phí: Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Quang Thị L.

[4] Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.Quế Phong;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Quế Phong;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Thảo